

Số: 4/QĐ-UBND

Tái Sơn, ngày 03 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý 2 năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÁI SƠN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/01/2023 của HĐND xã Tái Sơn Khóa XXIII, kỳ họp thứ 6 về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã quý 2 năm 2023 (theo các biểu đính kèm Quyết định này).

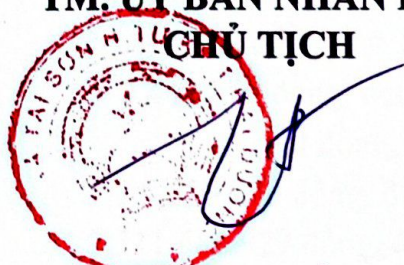
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND & HĐND xã; Công chức Tài chính-kế toán; các ban ngành, đoàn thể xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thọ

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 2/2023	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	23,359,997,000	2,591,015,449	11.09%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	171,000,000	6,584,000	3.85%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2,390,000,000	13,693,501	0.57%
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20,798,997,000	2,331,650,000	11.21%
	- Thu bổ sung cân đối	4,137,000,000	949,750,000	22.96%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	16,661,997,000	1,381,900,000	8.29%
4	Thu chuyển nguồn		239,087,948	
II	TỔNG SỐ CHI	23,359,997,000	2,357,629,039	10.09%
1	Chi đầu tư phát triển	18,961,997,000	1,312,727,000	6.92%
2	Chi thường xuyên	4,398,000,000	1,044,902,039	23.76%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	23,359,997,000	23,359,997,000	2,591,015,449	2,591,015,449	11.09%	11.09%
I	Các khoản thu 100%	171,000,000	171,000,000	6,584,000	6,584,000	3.85%	3.85%
1	Thu phí, lệ phí	16,000,000	16,000,000	6,584,000	6,584,000	41.15%	41.15%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	125,000,000	125,000,000				
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác						
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của NN theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	30,000,000	30,000,000		0	0.00%	0.00%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2,390,000,000	2,390,000,000	13,693,501	13,693,501	0.57%	0.57%
1	Các khoản thu phân chia	50,000,000	50,000,000	2,455,100	2,455,100	4.91%	4.91%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16,000,000	16,000,000		0	0.00%	0.00%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4,000,000	4,000,000		0	0.00%	0.00%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30,000,000	30,000,000	2,455,100	2,455,100	8.18%	8.18%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	40,000,000	40,000,000	11,238,401	11,238,401	28.10%	28.10%
	- Thuế thu nhập cá nhân	16,000,000	16,000,000		0	0.00%	0.00%
	- Thuế giá trị gia tăng	24,000,000	24,000,000	11,238,401	11,238,401	46.83%	46.83%
3	Thu tiền sử dụng đất	2,300,000,000	2,300,000,000		0	0.00%	0.00%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			239,087,948	239,087,948		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20,798,997,000	20,798,997,000	2,331,650,000	2,331,650,000	11.21%	11.21%
	- Thu bổ sung cân đối	4,137,000,000	4,137,000,000	949,750,000	949,750,000	22.96%	22.96%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	16,661,997,000	16,661,997,000	1,381,900,000	1,381,900,000	8%	8%

[illegible]